

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thu Trà và ông Trần Trung Dũng

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thơ- Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Động

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yên- Kiểm sát viên.

Ngày 05/02/2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Kim Động mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án dân sự thụ lý số 15/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 21/01/2021 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị M, sinh năm 1972. *Có mặt*

Địa chỉ: Thôn Thổ Cầu, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

***Bị đơn:** Chị Đào Thị B, sinh năm 1976. *Có mặt*

Địa chỉ: Thôn Thổ Cầu, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phạm Văn D, sinh năm 1975. *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn Thổ Cầu, xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên

2. Anh Đào Hùng L (tên gọi khác là C), sinh năm 1974. *Vắng mặt*

Địa chỉ: Số 285, Điện Biên 3, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của các đương sự và trong quá trình giải quyết vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn chị Vũ Thị M trình bày: Vào ngày 05/11/2013, chị và chồng cũ là Đào Hùng L (tức Cường) có cho vợ chồng chị Đào Thị B và anh Phạm Văn D vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng. Hai bên có lập giấy vay tiền đề ngày 05/11/2013. Mặc dù trong giấy vay tiền không ghi cụ thể mức lãi suất

nhưng các bên có thỏa thuận ngoài là tính theo lãi ngày. Anh D không ký tên vào giấy biên nhận nhưng anh D có biết việc chị B vay tiền nên chị xác định khoản vay này là của cả hai vợ chồng chị B và anh D. Tại thời điểm cho vay tiền, chị và anh L (Cường) chưa ly hôn nhưng đến ngày 24/9/2019, TAND huyện Kim Động đã công nhận thuận tình ly hôn giữa chị và anh L. Trong quyết định của tòa án không đề cập đến khoản nợ của chị B và anh D là do chị và anh L đã tự thỏa thuận bên ngoài về khoản nợ này. Theo đó, chị sẽ được quyền đòi riêng khoản nợ này. Kể từ khi vay đến nay, chị B anh D chưa trả được chị khoản nào mà liên tục khất nợ. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị B, anh D phải thanh toán trả khoản nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng là 350.000.000 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 750.000.000 đồng. Tại phiên tòa, chị M xác định cho chị B vay riêng và không liên quan đến anh D.

Bị đơn chị Đào Thị B trình bày: Chị đã nhiều lần vay tiền của chị M. Đến ngày 05/11/2013, chị và chị M có chốt nợ với nhau tại giấy biên nhận vay tiền có nội dung chị vay của chị M số tiền 400.000.000 đồng, hẹn đến ngày 05/12/2013 sẽ trả. Do điều kiện hoàn cảnh chị vay nợ nhiều không có khả năng thanh toán nên chị vẫn chưa trả được cho chị M. Tại thời điểm vay hai bên có thỏa thuận lãi nhưng không cụ thể. Chị M tính tổng cộng số tiền lãi kể từ ngày 05/12/2013 đến thời điểm hiện nay là 350.000.000 đồng thì chị cũng hoàn toàn nhất trí. Do chị M yêu cầu chị phải thanh toán trả ngay một lần toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi thì chị không có điều kiện trả mà đề nghị được trả dần, mỗi tháng chị sẽ trả 1.000.000 đồng. Chị xác định số nợ này là chị vay riêng, không liên quan đến anh D chồng chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Đào Hùng L trình bày: Anh và chị M đã được tòa án giải quyết ly hôn vào năm 2019. Trong quá trình giải quyết ly hôn, anh chị đã thỏa thuận chị M được quyền quản lý và sử dụng số tiền cho chị B vay. Đến nay, anh xác định không có liên quan gì đến khoản nợ của chị B mà để chị M toàn quyền quản lý và sử dụng. Anh từ chối tham gia tố tụng và xin vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn D xác định khoản tiền chị B vay của chị M là khoản nợ riêng của chị B. Anh không có liên quan gì, anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, chị M và chị B đều xác định đây là khoản nợ riêng của chị B và không liên quan đến anh D. Trong phần tranh luận, chị M và chị B đã tự nguyện thỏa thuận được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, cụ thể: tính đến ngày 05/02/2021, chị B còn nợ chị M số tiền gốc là 400.000.000 đồng, nợ lãi là 350.000.000 đồng; chị B sẽ có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho chị M một lần vào ngày 05/04/2021. Chị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Các đương sự đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Động. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo khách quan. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc tranh tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được toàn bộ các vấn đề cần giải quyết trong vụ án, xét thấy nội dung thỏa thuận không trái pháp luật nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Về án phí: Chị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị M số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

1.Về tố tụng: Chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị B phải thanh toán trả số tiền gốc và lãi là 750.000.000 đồng. Chị B có nơi cư trú tại xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh D và anh L (tức Cường) đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự này theo quy định tại khoản 1 Điều 227 BLTTDS.

2.Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng theo giấy biên nhận vay tiền đề ngày 05/11/2013 và số tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm 350.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận giấy biên nhận vay tiền, thừa nhận khoản nợ gốc và nợ lãi do nguyên đơn đưa ra. HĐXX xét thấy:

Về số nợ gốc 400.000.000 đồng đã được ghi cụ thể trong giấy biên nhận vay tiền đề ngày 05/11/2013, được các bên đương sự thừa nhận nên đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 BLTTDS.

Về số nợ lãi: Các đương sự đều xác định khi vay không thỏa thuận rõ về mức lãi suất. Đến nay các đương sự đều thống nhất thỏa thuận tổng số tiền lãi suất là 350.000.000 đồng. HĐXX xét thấy, tổng thời gian vay là 88 tháng nên số tiền lãi suất các bên thỏa thuận trả cho nhau là khoảng 1% tháng, tương ứng 12%/năm nên không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS năm 2015 nên được HĐXX chấp nhận.

Về người có quyền đòi nợ: Chị M và anh L (tức Cường) đều có lời khai thống nhất khoản nợ này là của riêng chị M, chị M có toàn quyền quyết định nên có căn

cứ xác định chị M có quyền sở hữu đối với khoản nợ gốc và nợ lãi nêu trên và không liên quan đến anh L.

Về người có nghĩa vụ trả nợ: Trong đơn khởi kiện, chị M chỉ khởi kiện yêu cầu chị B phải trả nợ gốc và lãi. Quá trình giải quyết vụ án, chị M xác định cho cả anh D và chị B vay số tiền này nên cả hai anh chị đều có nghĩa vụ trả nợ. Tại phiên tòa, chị M và chị B đều xác định đây là khoản vay riêng của chị B, không liên quan đến anh D. Do đó HĐXX có căn cứ xác định chị B là người có nghĩa vụ trả nợ chị M và không liên quan đến anh D.

Tại phần thủ tục tranh luận tại phiên tòa, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể, tính đến ngày 05/02/2021, chị B còn nợ chị M khoản nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi 350.000.000 đồng. Tổng cộng 750.000.000 đồng. Chị B có nghĩa vụ thanh toán trả chị M toàn bộ số tiền trên vào ngày 05/04/2021. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Về án phí: Chị Đào Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Hoàn trả chị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001895 ngày 26/10/2020 của Chi cục THADS huyện Kim Động.

Quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tại phiên tòa có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điều 147, điều 227, điều 235, điều 236, điều 266 BLTTDS; Điều 357, 463, 466, 468 và 469 BLDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Vũ Thị M và chị Đào Thị B, tính đến ngày 05/02/2021, chị B còn nợ chị M số tiền gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 350.000.000 đồng. Chị Đào Thị B phải có nghĩa vụ thanh toán trả chị Vũ Thị M tổng cộng số tiền 750.000.000 đồng (*Bảy trăm năm mươi triệu đồng*) vào ngày 05/04/2021. Chị B không phải trả lãi suất đối với số tiền trên trong khoảng thời gian từ ngày 05/02/2021 đến ngày 05/04/2021.

2. Về án phí: Chị Đào Thị B phải chịu 34.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Vũ Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001895 ngày 26/10/2020 của Chi cục THADS huyện Kim Động

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị B không thi hành sẽ phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 BLDS.

3. Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Kim Động;
- Chi cục THADS huyện Kim Động;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Kim Động;
- Chi cục THADS huyện Kim Động;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

\

Nơi nhận:

-Phòng GD-KT

-Lãnh đạo TAND tỉnh Hưng Yên